

玉山銀行企業戶管理存款須知 QUY ĐỊNH VỀ MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN DOANH NGHIỆP

致：玉山銀行同奈分行（以下稱"銀行"）

Kính gửi: Ngân hàng thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai (Sau đây gọi là "Ngân Hàng")

第 1 條: 開戶條件及方式

1. 申請人在知悉、理解並接受本須知內容，且承諾完全遵守本須知之前提下，自願在銀行開立帳戶，請求銀行向申請人提供帳戶服務事宜，辦理資金收付結算業務。
2. 申請人承諾遵守《越南銀行開立帳戶及支付結算辦法》、《越南打擊恐怖主義及洗錢防制法》、《越南外匯管制法》等法律法規及相關規定。
3. 申請人應按照《越南銀行開立帳戶及支付結算辦法》使用支付結算工具，不得利用帳戶進行逃漏稅款、逃漏債務、套取現金、洗錢及其他違法行為，不得出借、出租帳戶。
4. 申請人申請開戶時，承諾對銀行提交的開戶證明文件的真實性、完整性、合法性負責，同意銀行視情況向有關部門及單位進行核實。銀行保留最終審核權。
5. 申請人開立企業帳戶之申請需根據國家法定管理機關登記的名稱開戶。申請人在銀行開立的企業帳戶的名稱，應與其開戶證明文件所確定的名稱全稱及銀行原留印鑑的申請人名稱一致。

Điều 1: Điều kiện và phương thức mở tài khoản

1. Khách Hàng tự nguyện mở tài khoản tại Ngân Hàng và yêu cầu Ngân Hàng cung cấp dịch vụ tài khoản cho Khách Hàng, thực hiện nghiệp vụ thu/chỉ thanh toán nguồn vốn trên cơ sở biết hết, hiểu rõ và chấp nhận nội dung, đồng thời cam kết hoàn toàn tuân thủ Quy định này.
2. Khách Hàng cam kết tuân thủ các “Quy định về mở tài khoản và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán”, “Luật phòng, chống rửa tiền”, “Luật phòng, chống khủng bố”, “Pháp lệnh ngoại hối” v.v. và các quy định pháp luật có liên quan của Việt Nam.
3. Khách Hàng cần sử dụng công cụ thanh toán theo “Quy định về mở tài khoản và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán”, không được lợi dụng tài khoản để tiến hành trốn thuế, trốn nợ, lấy tiền mặt, rửa tiền cũng như các hành vi vi phạm pháp luật khác, không được cho mượn, cho thuê tài khoản.
4. Khách Hàng khi mở tài khoản, cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính hoàn chỉnh, tính hợp pháp của các chứng từ chứng minh để mở tài khoản giao nộp cho Ngân Hàng, đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền tiến hành xác minh với các phòng ban và đơn vị liên quan. Ngân Hàng bảo lưu quyền thẩm định xét duyệt cuối cùng.
5. Việc Khách Hàng yêu cầu mở tài khoản doanh nghiệp phải căn cứ theo tên đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật của nước mà doanh nghiệp đó đăng ký trụ sở chính. Tên của tài khoản doanh nghiệp mà Khách Hàng mở tại Ngân Hàng phải khớp với tên được xác định trên giấy tờ chứng minh để mở tài khoản của mình cũng như tên của Khách Hàng mà ngân hàng lưu mẫu dấu gốc.

第 2 條：最低存款餘額：

企業其他外幣支付帳戶的月均存款餘額應相當於美金 500 元，美元的月均存款餘額為美金 500 元。若最低存款餘額未達標，銀行於每月初自動收取帳戶管理費美金 5 元或其他外幣。銀行對資本金帳及境外貸款帳戶不得收取帳戶管理費。

Điều 2: Số dư tiền gửi tối thiểu:

Số dư tiền gửi bình quân hàng tháng đối với mỗi tài khoản thanh toán của doanh nghiệp bằng các ngoại tệ khác tương đương số tiền 500 USD hoặc số dư tiền gửi bình quân bằng đô la Mỹ là 500 USD. Nếu số dư tiền gửi tối thiểu không đạt, Ngân Hàng sẽ thu phí quản lý tài khoản 5 USD và ngoại tệ tương đương vào đầu mỗi tháng một cách tự động. Ngân Hàng không thu phí quản lý tài khoản đối với tài khoản vốn và tài khoản vay nước ngoài.

第 3 條：支付帳戶的使用

1. 帳戶持有人可使用支付帳戶進行存款、取款，並要求銀行提供支付服務，例如：提供支付工具、付款指令、付款委託、轉帳、外匯交易以及其他符合現行法律規定之服務。



2. 為了監控保證金、確保支付能力以及其他依照法律規定的目的所開立的支付帳戶，必須確保遵守相關法律規定。銀行不得主動扣除保證金、支付保證帳戶上的資金或根據法律規定為履行義務的資金，但履行銀行義務的保證金除外。
3. 客戶通過存款、轉帳等交易使用帳戶中的可用餘額時，必須提供符合法律規定及銀行內部規定的合法有效證件及交易證明文件，且該證件需符合與銀行登記之簽署。如需提取現金，領款人必須提供符合帳戶開立及使用規定的身份證件。在必要情況下，銀行有權要求客戶或其授權人確認交易證件上之內容。
4. 客戶須確保帳戶有足夠的資金以進行交易，並對超過可用餘額的支出承擔責任。
5. 銀行有權在以下情況下依據法律規定，自動暫時凍結/解除凍結、掛帳、從客戶帳戶中扣款，且客戶有義務根據法律規定向銀行償還：
 - (1) 支付、抵銷客戶對於銀行的到期債務、逾期債務、利息債務、應付款項、費用及其他財務義務。
 - (2) 根據國家機關的規定或決定，強制客戶履行付款義務。
 - (3) 調整記帳錯誤或與帳戶用途不符的交易。
 - (4) 客戶使用超過可用餘額。

Điều 3: Sử dụng tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản (“Khách Hàng”) được sử dụng tài khoản thanh toán để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản như: cung ứng phương tiện thanh toán, lệnh chi, ủy nhiệm chi, chuyển tiền, mua bán ngoại tệ và các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
2. Việc sử dụng tài khoản thanh toán được mở để phục vụ việc theo dõi các khoản tiền ký quỹ, đảm bảo khả năng thanh toán và các mục đích khác theo quy định pháp luật phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan. Ngân hàng không được chủ động trích Nợ đối với các khoản tiền ký quỹ, số tiền trên tài khoản đảm bảo thanh toán, các khoản tiền để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp khoản tiền ký quỹ, khoản tiền để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho chính Ngân Hàng.
3. Khách hàng được sử dụng số dư cho phép sử dụng trên tài khoản thông qua giao dịch gửi, nộp, chuyển tiền phải xuất trình chứng từ hợp pháp, hợp lệ và hồ sơ chứng minh giao dịch theo các quy định hiện hành của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng, chứng từ đúng chữ ký đã đăng ký với Ngân hàng. Trường hợp rút tiền mặt, người lĩnh tiền phải xuất trình các giấy tờ tùy thân theo quy định mở và sử dụng tài khoản thanh toán. Trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng có quyền yêu cầu Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền xác nhận nội dung trên chứng từ giao dịch.
4. Khách Hàng đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập, chịu trách nhiệm về việc chi trả vượt quá số dư cho phép sử dụng.
5. Ngân hàng có quyền tự động phong tỏa/ chấm dứt phong tỏa và trích tiền từ tài khoản của Khách Hàng và Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân Hàng trong các trường hợp sau:
 - (1) Thanh toán, bù trừ nghĩa vụ của Khách Hàng đối với các khoản nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ lãi, các khoản phải trả của Khách Hàng với Ngân Hàng, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác của Khách Hàng.
 - (2) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc Khách Hàng phải thanh toán.
 - (3) Điều chỉnh các giao dịch bị hạch toán sai, hạch toán nhầm, hạch toán lỗi hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản.
 - (4) Khách Hàng sử dụng tài khoản vượt quá số dư cho phép sử dụng.

第 4 條: (原留印鑑)

1. 申請人開戶時，應在銀行原留印鑑卡上簽章(由申請人的公章或財務專用章，及被授權簽字人的簽名或蓋章組成)，留存銀行，作為申請人支付的依據。
2. 被授權簽字人可以為申請人的法定代表人或單位負責人或其授權的代理人。
3. 銀行原留印鑑如有支付條件限制時，申請人應在向銀行留存時以文字明確聲明。
4. 銀行應依法保障申請人的資金安全，使用規定的結算方式，在核對銀行原留印鑑並審核相關



單據、憑證無誤的前提下進行付款。

Điều 4: Mẫu dấu/chữ ký.

1. Khi Khách Hàng mở tài khoản, cần phải ký tên đóng dấu trên thẻ mẫu dấu chữ ký của Ngân Hàng (bao gồm con dấu công ty và chữ ký của của người đại diện hợp pháp), lưu tại Ngân Hàng để làm căn cứ thanh toán cho Khách Hàng.
2. Người đại diện hợp pháp ký tên có thể là người đại diện theo pháp luật và/hoặc là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật.
3. Thẻ mẫu dấu chữ ký lưu tại Ngân Hàng nếu có quy định hạn chế về điều kiện thanh toán, Khách Hàng cần tuyên bố rõ ràng bằng văn bản khi Ngân Hàng lưu lại thẻ mẫu dấu chữ ký.
4. Ngân Hàng đảm bảo sự an toàn tiền vốn của Khách Hàng, sử dụng phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật, tiến hành thanh toán trên cơ sở xác minh đối chiếu thẻ mẫu dấu chữ ký và thẩm tra các chứng từ một cách chính xác.

第 5 條: (開戶數據及原留印鑑的變更)

1. 申請人同意以開戶文件中載明之地址或留存銀行之電子郵箱為相關文書之送達處所。
2. 申請人留存於銀行的基本資料(包括企業名稱、企業地址、電子郵箱、註冊資金及企業註冊地是否在美國、企業登記代碼等)，應以本次開戶所填的申請表為準，申請人確認於開戶資料上所提供的信息正確無誤，並同意由銀行自動更新本申請人原於銀行登記之相關資料。申請人保證所提供的任何資料遇有更動時，會主動於變動發生之日起五個工作日內書面通知送達銀行並提供有關證明文件辦理變更手續，否則，由此引起的責任由申請人承擔。
3. 倘申請人所提供信息或文件資料不正確、不完整、非最新消息，或所提供信息有所異動，致使銀行據以評估是否得以遵循以符合規範者，申請人同意銀行視本申請人為不合作帳戶、並據以採取相應之關閉或扣繳行動，以確保銀行符合應遵循事項。前面所述適用範圍包括但不限於：美國稅法〔含國外帳戶稅收遵守法案（FATCA）〕、外國金融機構協議（FFI AGREEMENT）、或其他司法管轄權所在地所為遵循該法所簽訂與頒佈之協議或規範。

Điều 5: Thay đổi thông tin mở tài khoản và thẻ mẫu dấu chữ ký.

1. Khách Hàng đồng ý rằng địa chỉ ghi rõ trong các giấy tờ mở tài khoản hoặc địa chỉ email lưu tại Ngân Hàng là địa chỉ để gửi các văn bản liên quan.
2. Các thông tin cơ bản lưu tại Ngân Hàng của Khách Hàng bao gồm tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, địa chỉ email, vốn đăng ký và nơi đăng ký doanh nghiệp, mã số đăng ký doanh nghiệp v.v. Ngân Hàng sẽ lấy các nội dung trong đơn đề nghị mở tài khoản và các tài liệu kèm theo đơn mở tài khoản làm chuẩn, Khách Hàng xác nhận rằng các thông tin cung cấp trong đơn mở tài khoản và các tài liệu kèm theo đơn mở tài khoản là đúng, chính xác. Khách Hàng đồng ý cho Ngân Hàng tự động cập nhật các thông tin liên quan mà Khách Hàng đăng ký lúc đầu lại Ngân Hàng và/hoặc bất kỳ thông tin bổ sung khác nếu có. Khách Hàng đảm bảo rằng nếu bất kỳ thông tin nào do Khách Hàng cung cấp có thay đổi, Khách Hàng sẽ chủ động thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng trong vòng năm ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi và cung cấp các giấy tờ chứng minh liên quan để thực hiện thủ tục thay đổi đó. Nếu không thông báo đúng hạn hoặc thông báo thiếu thông tin hoặc không chính xác, Khách Hàng sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ các thay đổi đó.
3. Nếu thông tin hoặc thông tin giấy tờ do Khách Hàng cung cấp không chính xác, không hoàn chỉnh, không phải thông tin mới nhất, hoặc thông tin cung cấp có thay đổi, khiến cho Ngân Hàng dựa vào đó đánh giá là phù hợp quy định của luật pháp, Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền xem như Khách Hàng không hợp tác. Theo đó, để đảm bảo cho Ngân Hàng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Ngân Hàng có quyền đóng tài khoản hoặc khấu trừ tiền tương ứng của Khách Hàng. Phạm vi áp dụng nói trên bao gồm nhưng không giới hạn: Luật thuế nước Mỹ (bao gồm Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Mỹ (FATCA)), các thỏa thuận với các Tổ Chức Tài Chính Nước Ngoài (FFI AGREEMENT) hoặc quy định pháp luật khác mà chính quyền sở tại nơi có quyền tài phán đã ký kết và ban hành nhằm tuân thủ những đạo luật như vậy.

第 6 條: (收費及扣帳)

申請人同意銀行可以從其帳戶直接扣劃申請人對銀行負有支付義務的各種款項和費用如銀行借款、利息、手續費、帳戶管理費、補製回單費、帳戶信息變更費用等，費用標準按照銀行公布

或雙方約定的有關收費標準執行。若收費標準變更，銀行需提前公示。各項手續費，嗣後倘有需要，銀行得調整之，不需另行通知申請人。

Điều 6: Thu phí và ghi nợ.

Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng có thể trực tiếp ghi nợ từ tài khoản của Khách Hàng đối với các khoản tiền và chi phí mà Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng như khoản vay từ ngân hàng, tiền lãi, phí thủ tục, phí quản lý tài khoản, phí in lại biên nhận, phí thay đổi thông tin tài khoản, ...vv. Các khoản phí sẽ được thực hiện theo quy định của Ngân Hàng tùy từng thời điểm hoặc do hai bên thỏa thuận. Nếu có thay đổi về phí, Ngân Hàng cần công bố trước. Các loại phí, sau này nếu cần thiết, Ngân Hàng được quyền điều chỉnh mà không cần thông báo riêng cho Khách Hàng.

第 7 條: (原留印鑑、密碼與各種重要憑證的保管)

申請人對於銀行原留印鑑、密碼與各種重要憑證應有妥善保管的義務，如有遺失、被竊、被搶或其它脫離占有的情事時，申請人應立即依規定向銀行辦理掛失，在銀行受理掛失止付手續未辦妥前，如印鑑、密碼、憑證係為真正，銀行不知情而付款或印鑑、密碼、憑證遭冒用所生之損害，銀行不負責任，申請人仍應負責清償，已經付款者，視同對申請人給付，已生清償的效力。

Điều 7: Việc bảo quản thẻ mẫu dấu chữ ký, mật mã và các chứng từ quan trọng.

Khách Hàng có nghĩa vụ bảo quản thẻ mẫu dấu chữ ký lưu tại Ngân Hàng, mật mã và các chứng từ quan trọng, trong trường hợp bị mất, bị đánh cắp, bị cướp hoặc các trường hợp bị chiếm lấy khác, Khách Hàng phải ngay lập tức thực hiện báo mất với Ngân Hàng theo quy định; khi chưa thực hiện xong thủ tục thủ lý báo mất, nếu do mẫu dấu, mật mã, chứng từ là đúng mà Ngân Hàng không biết nên thanh toán, hoặc con dấu, mật mã, chứng từ bị mạo danh sử dụng phát sinh thiệt hại, Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm, Khách Hàng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán, trường hợp đã thanh toán, xem như đã chỉ trả cho Khách Hàng, đã phát sinh hiệu lực thanh toán.

第 8 條: (數據之使用、揭露及委外作業)

1. 申請人/申請人代理人同意銀行、銀行總行及其他銀行隸屬同一機構之分支機構，得依法令規定搜集、處理(包括委託第三人處理)及利用申請人/申請人代理人之資料。銀行並得將申請人之資料提供予上開機構進行收集、處理及利用。銀行並得於法令、主管機關規定許可範圍內，提供予他人查詢，或提供予受銀行委任代為處理事務之人
2. 申請人特別同意銀行的申請人之各項往來數據提供予：
 - (1) 擬自行受讓資產及負債之人。
 - (2) 對銀行、總行或其他分行有管轄權之金融監管機構或其他政府機構。
3. 申請人並同意銀行得將申請人與銀行往來交易業務及作業，委由第三人代為處理，並同意得將申請人之各項往來數據，揭露予受銀行委任處理事項之第三人，受委託之第三人得於委託範圍內使用及利用申請人資料。

Điều 8: Việc sử dụng, tiết lộ và ủy thác bên ngoài dữ liệu.

1. Khách Hàng/đại diện của Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng/ Ngân Hàng Mẹ của Ngân Hàng và các tổ chức chi nhánh cùng thuộc một tổ chức với Ngân Hàng được thu thập, xử lý (bao gồm ủy thác cho người thứ ba xử lý) và sử dụng các thông tin của Khách Hàng/ đại diện của Khách Hàng theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng được phép mang thông tin của Khách Hàng cung cấp cho các tổ chức nói trên thu thập, xử lý và sử dụng. Ngân Hàng cũng được phép cung cấp cho người khác truy vấn hoặc cung cấp cho người mà Ngân Hàng ủy nhiệm thay mặt xử lý công việc trong phạm vi mà pháp luật cũng như các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc không cấm.
2. Khách Hàng hoàn toàn đồng ý rằng các dữ liệu giao dịch của Khách Hàng tại Ngân Hàng cung cấp cho:
 - (1) Người có dự định nhân chuyển nhượng tài sản và nợ từ Ngân Hàng.
 - (2) Cơ quan quản lý giám sát tài chính hoặc cơ quan chính phủ khác có quyền tài phán đối với Ngân Hàng/Ngân Hàng Mẹ của Ngân Hàng và các chi nhánh.
3. Khách Hàng cũng đồng ý rằng Ngân Hàng được phép mang các giao dịch mà Khách Hàng thực hiện với Ngân Hàng, ủy thác giao cho bên thứ ba thay mặt xử lý, và cũng đồng ý Ngân Hàng được phép mang các dữ liệu giao dịch của Khách Hàng tiết lộ cho bên thứ ba mà Ngân Hàng ủy nhiệm xử lý



công việc, người thứ ba được ủy thác được phép sử dụng thông tin Khách Hàng trong phạm vi ủy thác.

第 9 條: (抵銷)

申請人若有對銀行之任一債務到期或經銀行依約主張視為全部到期而未清償之情形或有違約情事發生時, 或申請人涉及以各項帳戶從事非法活動、或疑似為洗錢交易、或銀行得依法或依約行使抵銷權時, 銀行得隨時於事前或同時通知申請人 (惟無須申請人同意), 終止本須知下之各項存款及其他約定 (即申請人之存款或權益即視為已屆清償期屆時, 銀行有權依法逕對該等帳戶之存款及申請人對銀行主張之各項合法權益逕行主張抵銷或為必要之處分或以之抵償申請人對銀行之各項債務, 銀行所出具給申請人各項存單或其他憑證應於銀行抵銷或抵償範圍內失其效力視為作廢, 且抵銷或抵償之債務內容及先後順序均由銀行自行選定。

Điều 9: Cản trừ

Khách Hàng nếu có bất kỳ khoản nợ nào đối với Ngân Hàng đến hạn hoặc do Ngân Hàng dựa theo thỏa thuận với Khách Hàng hoặc quy định của pháp luật liên quan xem rằng toàn bộ hoặc một phần khoản nợ đến hạn mà chưa trả, hoặc nếu có phát sinh từ việc vi phạm hợp đồng, hoặc Khách Hàng liên quan đến việc dùng các tài khoản để tham gia các hoạt động phi pháp, hoặc giao dịch nghi là rửa tiền, hoặc Ngân Hàng được phép áp dụng quyền cản trừ theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận, Ngân Hàng được phép bất kỳ lúc nào thông báo trước hoặc cùng lúc thông báo cho Khách Hàng (mà không cần sự đồng ý của Khách Hàng), chấm dứt các khoản tiền gửi và các thỏa thuận khác theo Quy định này (tức là tiền gửi hoặc các quyền lợi/nghĩa vụ của Khách Hàng lập tức xem như đã đến hạn thanh toán hết). Đến lúc đó, Ngân Hàng có quyền dựa theo các quy định pháp luật trực tiếp thực hiện cản trừ từ các khoản tiền gửi trong những tài khoản như vậy hoặc từ các quyền lợi hợp pháp mà Khách Hàng có quyền đối với Ngân Hàng hoặc thực hiện biện pháp xử lý cần thiết hoặc sử dụng để cản trừ trả cho các khoản nợ của Khách Hàng đối với Ngân Hàng, các chứng chỉ tiền gửi hoặc các bằng chứng khác mà Ngân Hàng cấp cho Khách Hàng sẽ xem như mất hiệu lực và bị hủy bỏ trong phạm vi cản trừ hoặc cản trả nợ, đồng thời nội dung và thứ tự ưu tiên cản trừ hoặc cản trả nợ đều do Ngân Hàng tự lựa chọn.

第 10 條: (非顧客本人親自辦理交易)

1. 申請人同意銀行有權對非申請人被授權人親至櫃台辦理交易, 除核驗申請人留存之印鑑式樣外, 得另依銀行認定妥適之方式進行交易內容之確認及查證。但申請人不得以銀行未進一步確認或查證而主張銀行應負過失責任。
2. 申請人被授權人於銀行辦理交易, 銀行憑申請人存留於銀行之印鑑式樣付款, 對此等交易申請人悉數承認。如發生假冒交易情事, 除銀行有過失外, 銀行不須負責。

Điều 10: Trường hợp không phải đích thân khách hàng tự thực hiện giao dịch

1. Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền tiến hành xác nhận và xác minh riêng đối với nội dung giao dịch theo phương thức mà Ngân Hàng cho rằng phù hợp ngoài việc kiểm tra đối chiếu mẫu chữ ký con dấu đã lưu, đối với những giao dịch mà không phải chính do người đại diện hợp pháp của Khách Hàng đích thân đến quầy thực hiện. Tuy nhiên Khách Hàng cũng đồng ý rằng Ngân Hàng sẽ không phải chịu trách nhiệm về những sai sót do việc Ngân Hàng không xác nhận hoặc xác minh thêm.
2. Người đại diện hợp pháp của Khách Hàng khi thực hiện giao dịch tại Ngân Hàng, Ngân Hàng được phép dựa vào mẫu chữ ký mẫu dấu mà Khách Hàng lưu tại Ngân Hàng để thanh toán, và Khách Hàng hiểu rõ toàn bộ đối với những giao dịch này. Nếu phát sinh vụ việc giả danh làm giao dịch, ngoại trừ trường hợp Ngân Hàng có lỗi ra, còn lại Ngân Hàng không phải chịu trách nhiệm

第 11 條: (錯帳之更正)

凡存入款項因誤寫帳號或戶名致誤入申請人帳戶, 或銀行處理錯誤致存入申請人帳戶者, 一經發現, 銀行得不通知申請人即逕自申請人帳戶內扣除更正之, 倘存入款項已被支用, 申請人應立即返還, 不得拖延。

Điều 11: Sửa sai việc nhầm tài khoản.

Nếu trường hợp khoản tiền gửi vào do viết sai số tài khoản hoặc tên tài khoản dẫn đến lạc vào tài khoản của Khách Hàng, hoặc do Ngân Hàng xử lý sai dẫn đến gửi vào tài khoản của Khách Hàng, nếu có phát



hiện, Ngân Hàng được phép và không phải thông báo cho Khách Hàng mà trực tiếp khấu trừ từ tài khoản của Khách Hàng để sửa sai, nếu số tiền gửi vào tài khoản đã được chi ra sử dụng, Khách Hàng phải lập tức hoàn trả không được chậm trễ.

第 12 條: (靜止戶)

1. 一年以上未有任何交易往來的帳戶，且存款餘額低於起存額的，免經申請人同意，銀行得逕將本帳戶轉入靜止戶，該靜止戶期間銀行應付利息。
2. 經轉列靜止戶後，各類自動化帳務服務皆停止使用；惟該帳戶轉為靜止戶後，日後如有款項轉入，銀行得不經通知逕行入帳，入帳後銀行仍得依相關作業規定限制帳戶使用，不另行通知申請人。
3. 倘申請人欲恢復靜止戶往來，申請人需依銀行相關規定申請恢復，銀行得酌收手續費。

Điều 12: Tài khoản không hoạt động.

1. Tài khoản mà không có bất kỳ giao dịch qua lại nào trên một năm, đồng thời số dư tài khoản thấp hơn mức thấp nhất của tiền gửi, không cần sự đồng ý của Khách Hàng, Ngân Hàng được phép trực tiếp chuyển tài khoản này sang tài khoản không hoạt động, Ngân Hàng phải trả lãi trong thời gian của tài khoản không hoạt động đó.
2. Sau khi chuyển sang tài khoản không hoạt động, các dịch vụ tự động về tài khoản đều ngừng sử dụng, nhưng sau khi chuyển tài khoản này sang tài khoản không hoạt động, về sau nếu có tiền chuyển vào, Ngân Hàng được phép trực tiếp ghi có vào tài khoản mà không cần thông báo, sau khi ghi có vào tài khoản, Ngân Hàng vẫn hạn chế việc sử dụng tài khoản theo quy định nghiệp vụ liên quan, không thông báo riêng cho Khách Hàng.
3. Nếu Khách Hàng muốn khôi phục lại giao dịch của tài khoản không hoạt động, Khách Hàng phải xin khôi phục theo quy định liên quan của Ngân Hàng, Ngân Hàng được quyền thu phí thủ tục.

第 13 條：凍結支付帳戶

1. 下列情況下支付帳戶餘額將被部分或全部凍結：
 - (1) 根據支付帳戶持有人與銀行的事先約定或帳戶持有人的要求
 - (2) 有法律規定的主管機關的書面決定或要求時。
 - (3) 當銀行錯誤地將款項存入客戶的支付帳戶時，或在將款項存入客戶的支付帳戶後，由於與匯款人的支付指示相比存在錯誤或差錯，向匯款支付服務提供者提出退款請求時，發現存在錯誤或差錯時。支付帳戶上凍結的金額不得超過錯誤或失誤的金額。
 - (4) 聯名支付帳戶持有人之一提出凍結請求時，但本行與聯名支付帳戶持有人事先達成書面協議的情況除外。
 - (5) 支付帳戶開立、使用過程中發現任何異常或異常跡象的。
 - (6) 有理由懷疑客戶的支付帳戶有詐欺或違反法律的情況。
 - (7) 法律規定的其他情形。
2. 解除支付帳戶凍結的程序如下：
 - (1) 根據支付帳戶持有人與銀行之間的書面協議。
 - (2) 主管機關依法律規定決定解除封鎖。
 - (3) 匯款支付中的錯誤和失誤已解決。
 - (4) 所有聯名支付帳戶持有人要求解除凍結，或銀行與聯名支付帳戶持有人事先達成書面協議。
3. 銀行凍結支付帳戶後，應將凍結支付帳戶的原因及範圍通知支付帳戶持有人或支付帳戶開戶人的法定代表人或監護人（主管部門以書面形式要求銀行不通知客戶凍結支付帳戶的情況除外）。
4. 支付帳戶中凍結的金額必須依照凍結內容保管及嚴格管控。若支付帳戶部分凍結，解凍後的部分仍可正常使用。

Điều 13: Phong tỏa tài khoản thanh toán

1. Tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số dư trên tài khoản thanh toán trong các trường hợp sau:



- (1) Theo thỏa thuận trước giữa chủ tài khoản thanh toán và Ngân Hàng hoặc theo yêu cầu của chủ tài khoản.
 - (2) Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - (3) Khi Ngân Hàng phát hiện có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của Khách Hàng hoặc thực hiện theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyên tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của bên chuyên tiền sau khi ghi Có vào tài khoản thanh toán của Khách Hàng. Số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán không được vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót.
 - (4) Khi có yêu cầu phong tỏa của một trong các chủ tài khoản thanh toán chung trừ trường hợp có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Ngân Hàng và các chủ tài khoản thanh toán chung.
 - (5) Trường hợp phát hiện có sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán.
 - (6) Trường hợp có cơ sở nghi ngờ tài khoản thanh toán của Khách Hàng gian lận, vi phạm pháp luật.
 - (7) Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.
2. Việc chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán được thực hiện:
- (1) Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán và Ngân Hàng.
 - (2) Khi có quyết định chấm dứt phong tỏa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - (3) Đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn trong thanh toán chuyển tiền.
 - (4) Khi có yêu cầu chấm dứt phong tỏa của tất cả các chủ tài khoản thanh toán chung hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Ngân Hàng và các chủ tài khoản thanh toán chung.
3. Sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán, Ngân Hàng thông báo cho Khách Hàng mở tài khoản thanh toán biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu Ngân Hàng không thông báo cho Khách Hàng về việc phong tỏa tài khoản thanh toán).
4. Số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần số tiền trên tài khoản thanh toán thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

第 14 條：關閉支付帳戶

1. 支付帳戶在以下情況下會被關閉：
 - (1) 支付帳戶持有人提出申請，並已履行支付帳戶所有的義務。
 - (2) 支付帳戶持有人為個人並死亡或被宣告死亡。
 - (3) 擁有支付帳戶的機構根據法律規定停止運營。
 - (4) 支付帳戶持有人違反關於支付帳戶的禁止行為。
 - (5) 根據支付帳戶持有人與銀行之間的事先書面協議。
 - (6) 發現客戶使用偽造身分證明文件來進行的詐欺活動或其他非法活動。
 - (7) 未保證帳戶有足夠的餘額，且在銀行規定之期限內未發生交易。
 - (8) 其他符合法律規定的情況。
2. 關閉支付帳戶餘額的處理：
 - (1) 根據支付帳戶持有人的要求支付，或根據支付帳戶持有人與銀行之間的事先協議進行支付。在帳戶持有人為無行為能力人、認知或行為控制有困難人、限制行為能力人的情況下，支付應根據法律規定，依其法定代表人或監護人的要求進行；若帳戶持有人已死亡或被宣告死亡，應支付給法定繼承人或繼承代表人。
 - (2) 根據法律規定，有權機關的決定進行支付。
3. 關閉支付帳戶後，銀行應通知支付帳戶持有人、其代表或法定繼承人（支付帳戶持有人為個人並死亡或被宣告死亡的情況下）。若已通知支付帳戶持有人、其代表人或合法繼承人，但未前來領取，銀行會根據支付帳戶持有人與銀行之間的事先協議以及相關法律規定處理支付帳戶餘額。
4. 銀行應通過電子郵件、書面文件或電子交易平台通知支付帳戶持有人有關以下事項：帳戶餘額及帳戶交易、帳戶被凍結或關閉的情況、帳戶截止日期、開戶時所提供身分證效期以及其



他在使用支付帳戶過程中需要知悉的相關信息。

5. 在關閉支付帳戶後，若客戶需要使用支付帳戶，則必須按照本通告的規定辦理開立支付帳戶的手續。

Điều 14: Đóng tài khoản thanh toán

1. Việc đóng tài khoản thanh toán được thực hiện khi:
 - (1) Khách Hàng có yêu cầu và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán;
 - (2) Khách Hàng chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - (3) Khách Hàng vi phạm hành vi bị cấm về tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật;
 - (4) Các trường hợp theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Khách Hàng với Ngân Hàng.
 - (5) Trường hợp phát hiện Khách Hàng sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để mở hoặc sử dụng tài khoản thanh toán cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác.
 - (6) Trường hợp tài khoản không duy trì đủ số dư và không phát sinh giao dịch trong khoảng thời gian nhất định theo quy định của Ngân Hàng.
 - (7) Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.
2. Xử lý số dư khi đóng tài khoản thanh toán:
 - (1) Chi trả theo yêu cầu của Khách Hàng hoặc được thực hiện theo thỏa thuận trước giữa Khách Hàng và Ngân Hàng
 - (2) Chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, Ngân Hàng thông báo cho Khách Hàng. Trường hợp Khách Hàng đã được thông báo nhưng không đến nhận, Ngân Hàng xử lý số dư còn lại khi đóng tài khoản thanh toán theo thỏa thuận trước giữa Khách Hàng với Ngân Hàng và theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Ngân Hàng thông báo cho Khách Hàng biết về: số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán, việc tài khoản thanh toán bị phong tỏa, đóng, thời điểm hết hạn hiệu lực, hạn sử dụng của giấy tờ tùy thân trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán bằng email, văn bản hay trang giao dịch trực tuyến.
5. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, Khách Hàng có nhu cầu sử dụng tài khoản thanh toán phải thực hiện thủ tục mở tài khoản thanh toán theo quy định pháp luật.

第 15 條: (對帳單送達)

1. 除另有要求外，銀行定期每月一次發送對帳單予申請人。
2. 申請人同意以帳戶申請書中載明的地址/申請人留存於銀行之電郵或傳真為對帳單的送達處所。
3. 申請人如需變更對帳方式、對帳單寄送方式等，需即時以書面通知銀行並同意依變更後的地址/電郵/傳真為送達處所；如申請人書面通知變更地址/電郵/傳真 尚未送達銀行時，銀行仍以帳戶申請書中載明的地址/申請人留存於銀行之電郵、傳真或最後通知銀行的地址/電郵/傳真為送達處所。因申請人未及時通知銀行，造成對帳不及時而產生的後果，銀行概不負責。
4. 申請人同意核對從銀行發送的每份對帳單認可對帳數據，銀行向申請人發送對帳單後，超過 30 天申請人未向銀行提出異議，則視為認可銀行對帳單所記載的收付情況。申請人承諾即使在對帳期內無交易發生仍同意與銀行進行對帳，並在規定時間內按要求寄送對帳回執，若超過 30 日未回復即視為默認對帳結果，因申請人不配合對帳而產生的一切損失由其承擔。
5. 明細對帳或餘額對帳中申請人核對如有不符，申請人應於收到對帳單後 30 日（櫃檯領取以對帳單從系統中生成之日視作帳戶持有人已收到對帳單；郵寄則以 銀行寄出對帳單之日起同城 2 日、異地 5 日後視作申請人已收到對帳單；若以傳真或電郵方式發送，在對帳單傳輸至申請人向銀行告知的最新傳真號或電郵位 址後即視作申請人已收到對帳單）內向銀行查明並書面通知銀行。

Điều 15: Gửi sao kê

1. Ngoại trừ trường hợp có yêu cầu riêng, Ngân Hàng định kỳ hàng tháng gửi sao kê một lần cho Khách Hàng.
2. Khách Hàng đồng ý địa chỉ ghi rõ trong đơn đề nghị mở tài khoản/địa chỉ email hoặc Fax mà Khách Hàng lưu tại Ngân Hàng là địa chỉ gửi sao kê.
3. Khách Hàng nếu cần thay đổi địa chỉ, phương thức gửi sao kê v.v., cần kịp thời thông báo bằng văn



bản cho Ngân Hàng và đồng ý rằng địa chỉ/email/Fax sau khi thay đổi là nơi gửi sao kê đến; nếu thông báo thay đổi địa chỉ/email/Fax bằng văn bản của Khách Hàng gửi chưa đến Ngân Hàng, Ngân Hàng vẫn sử dụng địa chỉ ghi rõ trong đơn đề nghị mở tài khoản/email, Fax mà Khách Hàng lưu tại Ngân Hàng hoặc địa chỉ/email/Fax thông báo cuối cùng cho Ngân Hàng là nơi gửi sao kê đến. Những hậu quả do Khách Hàng chưa kịp thời thông báo cho Ngân Hàng dẫn đến không kịp đối chiếu sổ sách, Ngân Hàng đều không chịu trách nhiệm.

4. Khách Hàng đồng ý đối chiếu xác minh số liệu cho phép đối chiếu xác minh của từng sao kê mà Ngân Hàng gửi, Ngân Hàng sau khi gửi sao kê cho Khách Hàng, sau hơn 30 ngày mà Khách Hàng không đưa ra ý kiến phản đối với Ngân Hàng thì xem như đã chấp nhận tình hình thu chi được ghi trên sao kê của Ngân Hàng. Khách Hàng cam kết cho dù trong thời gian gian đối chiếu sổ sách không có giao dịch phát sinh vẫn tiến hành đối chiếu sổ sách với Ngân Hàng, và gửi lại biên nhận đối chiếu sổ sách theo yêu cầu trong thời gian quy định, nếu quá 30 ngày mà chưa hồi đáp thì xem như mặc định chấp nhận kết quả đối chiếu, tất cả thiệt hại phát sinh do Khách Hàng không phối hợp đối chiếu sẽ do Khách Hàng chịu.
5. Nếu Khách Hàng đối chiếu sao kê chi tiết hoặc sao kê số dư phát hiện có điểm không phù hợp, Khách Hàng phải kiểm tra rõ lại với Ngân Hàng và thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng trong vòng 30 ngày sau khi nhận được sao kê. (Trường hợp nhận từ quầy thì ngày mà sao kê được tạo ra hệ thống xem như chủ tài khoản đã nhận được sao kê; trường hợp gửi qua bưu điện thì tính từ ngày Ngân Hàng gửi sao kê đi, nếu cùng thành phố thì sau 2 ngày, còn khác khu vực thì sau 5 ngày xem như Khách Hàng đã nhận được sao kê; nếu gửi bằng Fax hoặc email thì sau khi sao kê đã gửi đến số Fax hoặc email mới nhất mà Khách Hàng đã thông báo cho Ngân Hàng thì xem như Khách Hàng đã nhận được sao kê)

第 16 條: (疑似不法或顯屬異常交易)

若銀行懷疑或相信從某一帳戶匯出或向某一帳戶匯入的款項是恐怖份子的財產或資金、或是毒品交易、恐怖活動或任何嚴重罪行的收入、或者該等匯入或匯出可能另行受到各司法管轄區的制裁，銀行可以根據法律、法規和各司法管轄區的公共和監管機關的要求全權決定並採取銀行認為適當的任何行動且銀行拒絕或延後執行而產生的後果，銀行概不負責。

Điều 16: Các giao dịch nghi là phi pháp hoặc có dấu hiệu bất thường.

Nếu Ngân Hàng nghi ngờ hoặc tin rằng số tiền chuyển đi từ một tài khoản của Khách Hàng hoặc chuyển vào một tài khoản của Khách Hàng là tài sản hoặc vốn của các phần tử khủng bố, hoặc là thu nhập giao dịch mua bán ma túy, hoạt động khủng bố hoặc bất kỳ tội phạm nào, hoặc những khoản tiền chuyển vào hay chuyển đi đó có thể đang bị chế tài bởi quyền tài phán, Ngân Hàng có thể toàn quyền quyết định theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có quyền tài phán và quản lý giám sát và thực hiện bất kỳ các biện pháp nào mà Ngân Hàng cho rằng phù hợp. Mọi hậu quả phát sinh do Ngân Hàng từ chối chuyển tiền đi hoặc trì hoãn thực hiện chuyển tiền, Ngân Hàng đều không phải chịu trách nhiệm.

第 17 條: (須知修改)

銀行為因應法律及相關規定之修訂及越南國家銀行、主管機關等監管機構的函釋或銀行產品變更時，得隨時修改本須知之相關規定。惟每次修改，銀行得以各該有關業務動態宣傳單等置於銀行營業場所供索閱讀或以銀行決定的其它方式事先通知申請人。倘申請人不同意銀行之修改，申請人應於銀行指定期限內，依銀行相關作業規定終止與銀行之帳戶往來關係。

Điều 17: Sửa đổi.

Nếu do tuân thủ những sửa đổi, bổ sung của pháp luật và các quy định liên quan, các công văn giải thích của cơ quan giám sát quản lý như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền v.v hoặc do sản phẩm của Ngân Hàng thay đổi, Ngân Hàng được phép sửa đổi các điều khoản liên quan đến Quy định này theo từng thời điểm. Nhưng mỗi lần sửa đổi và/hoặc bổ sung, Ngân Hàng được phép sử dụng các tờ rơi tuyên truyền về tình hình nghiệp vụ liên quan v.v. đặt tại nơi kinh doanh của Ngân Hàng để Khách Hàng có thể lấy về hoặc đọc hoặc thông báo trước cho Khách Hàng theo phương thức khác do Ngân Hàng quyết định. Nếu Khách Hàng không đồng ý với những sửa đổi của Ngân Hàng, Khách Hàng phải chấm dứt giao dịch tài khoản với Ngân Hàng theo các quy định nghiệp vụ liên quan trong thời hạn do Ngân Hàng quy định.

第 18 條: (違約情事)



下列任一情事發生，皆構成本須知所稱之違約情事：

1. 申請人未按期支付或償付本須知或其他合約項下所應給付給銀行之任一宗本金債務者；
2. 申請人無清償能力、有依破產法申請和解、申請宣告破產、申請公司重整等情事；
3. 顧客未能依本須知補提擔保或因法令之變更或主管機關之解釋，致銀行對申請人提供之融資或條件有違反法令的，經銀行要求申請人返還全部或部分融資或補提其他擔保，而申請人未能如期履行時；
4. 申請人被申請清算或宣告破產；
5. 申請人未依本須知或其他合約項下按期償付任何一宗利息、費用或(本金除外之)其他應付款項，而未於銀行通知期限內補正；
6. 擔保物被查封或擔保物滅失、價值減少或不足擔保銀行之債權時，或申請人受強制執行或假扣押或其他保全處分，致銀行有不能受償之虞時；
7. 申請人未依約履行本須知之義務或發生其他違反本須知應遵守事項者；
8. 申請人利用本須知下任何帳戶或服務為違法、不正當、異常或其他類似交易或行為者；
9. 申請人就本須知下之權利行使、義務之履行有違反誠實信用方法之情事者。

Điều 18: Việc vi phạm thỏa thuận.

Bất kỳ sự việc nào sau đây xảy ra, đều cấu thành sự việc vi phạm thỏa thuận được định nghĩa theo Quy định này;

1. Trường hợp Khách Hàng không thanh toán hoặc trả đúng hạn bất kỳ một khoản nợ tiền gốc phải trả cho Ngân Hàng theo các điều khoản của Quy định này cũng như các hợp đồng/thỏa thuận khác;
2. Trường hợp Khách Hàng không có khả năng thanh toán, đề nghị hòa giải, đề nghị tuyên bố phá sản theo Luật phá sản, yêu cầu cơ cấu lại công ty v.v.;
3. Trường hợp Khách Hàng không cung cấp bổ sung tài sản đảm bảo theo Quy định này hoặc hợp đồng/thỏa thuận khác với Ngân Hàng hoặc do thay đổi về luật pháp hoặc do giải thích của cơ quan chủ quản, dẫn đến khoản tài trợ hoặc điều kiện mà Ngân Hàng cung cấp cho Khách Hàng vi phạm pháp luật, Ngân Hàng đã yêu cầu Khách Hàng hoàn trả lại toàn bộ hoặc một phần khoản tài trợ hoặc cung cấp bổ sung tài sản đảm bảo khác nhưng Khách Hàng không thể thực hiện đúng thời hạn;
4. Trường hợp Khách Hàng bị đề nghị thanh lý hoặc tuyên bố phá sản;
5. Trường hợp Khách Hàng không thanh toán bất kỳ khoản lãi, chi phí hoặc các khoản khác phải trả (ngoài trừ tiền gốc ra) đúng hạn theo Quy định này cũng như các hợp đồng khác, mà không khắc phục trong thời hạn thông báo bởi Ngân Hàng;
6. Trường hợp Tài sản đảm bảo bị phong tỏa hoặc tài sản đảm bảo bị mất, giảm giá trị hoặc không đủ để đảm bảo quyền chủ nợ cho Ngân Hàng, hoặc Khách Hàng bị cưỡng chế thi hành hoặc bị kê biên hoặc bị xử lý khác, dẫn đến Ngân Hàng có rủi ro không được thanh toán nợ;
7. Trường hợp Khách Hàng không thực hiện nghĩa vụ theo Quy định hoặc phát sinh những vi phạm khác đối với các vấn đề cần tuân thủ các điều khoản của Quy định này;
8. Trường hợp Khách Hàng lợi dụng bất kỳ tài khoản hay dịch vụ theo Quy định này để thực hiện những giao dịch hay hành vi phi pháp, bất chính, bất thường hoặc những giao dịch hành vi tương tự;
9. Trường hợp Khách Hàng có vi phạm nguyên tắc thiện chí và ngay tình trong việc áp dụng các quyền lợi, thực hiện nghĩa vụ theo Quy định này.

第 19 條: (帳戶往來之終止與撤銷)

1. 除法律另有規定外，申請人與銀行均得隨時解約終止帳戶往來關係。申請人撤銷帳戶時，應以書面形式向銀行申請，主動與銀行核對帳戶存款餘額，並交回各種重要空白票據、結算憑證和開戶許可證（如有）；申請人未按規定交回各種重要空白票據及結算憑證，應出具正式公函承諾，由此造成的損失完全由申請人自行承擔，申請人尚未清償其餘銀行任何已有及或有的債務時，銀行有權拒絕申請人撤銷帳戶或終止帳戶往來關係的申請並依其它合同約定或法規採取銀行認為必要的行動。
2. 申請人將配合銀行之要求，於業務需要時提供銀行足以建立本申請人外國帳戶稅收遵從法案（以下簡稱「FATCA」）身分狀態之必要檔案及資訊。
3. 倘本申請人 FATCA 身分狀態發生異動，將於異動起 30 日內通知銀行，並於通知日起 90 日或銀行支付本申請人款項之日（孰早者）前，提供銀行足以建立申請人最新 FATCA 身分狀態之必



要文件及信息。(前述日期均以日曆日計算。)

4. 倘不配合銀行審查申請人之 FATCA 身分狀態或本申請人定義之未簽署協定的外國金融機構 (Non-participating foreign financial institution), 或嗣後本申請人喪合規狀態, 而成為未簽署協定的外國金融機構、受限制的分支機構(Limited branch)、或受限制的外國金融機構(Limited FFI), 或本申請人未實現前述第 4 項內容, 銀行得終止與本申請人簽訂之往來合約, 並得相關規範, 在適用狀況下執行申報及扣繳義務; 此外, 嗣後若有因本申請人未按第 4 項內容提供銀行必要檔案及資訊而衍生之責任與義務, 概由本申請人負責, 與銀行無關, 如造成銀行損害, 並願付賠償責任。
5. 倘銀行係基於前項原因或申請人不當使用銀行各種存款帳戶、有本須知違約之情事或有違法情事者, 銀行可無須另行通知申請人, 而終止申請人的一切往來, 原往來合約中與提前終止合約相關之懲罰性條款, 將不適用。

Điều 19: Chấm dứt và hủy bỏ giao dịch tài khoản.

1. Ngoại trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng, Khách Hàng và Ngân Hàng đều được phép chấm dứt thỏa thuận để chấm dứt tất cả quan hệ giao dịch tài khoản. Khách Hàng khi đóng tài khoản ngoại tệ phải đề nghị với Ngân Hàng bằng văn bản, chủ động đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ với Ngân Hàng và giao trả lại các chứng từ biểu mẫu chưa điền, chứng từ thanh toán và giấy phép mở tài khoản (nếu có); Khách Hàng nếu không giao trả lại các chứng từ biểu mẫu chưa điền quan trọng và bằng chứng thanh toán, cần phải xuất trình công văn cam kết, những thiệt hại gây ra do việc này do Khách Hàng tự gánh chịu, trường hợp có bất kỳ các khoản nợ mà Khách Hàng đã mắc nợ và/hoặc mắc nợ với Ngân Hàng mà chưa thanh toán hết, Ngân Hàng có quyền từ chối đề nghị từ Khách Hàng về việc đóng tài khoản ngoại tệ hoặc chấm dứt quan hệ giao dịch tài khoản và thực hiện các biện pháp mà Ngân Hàng cho rằng cần thiết theo thỏa thuận/hợp đồng hoặc quy định pháp luật khác.
2. Theo yêu cầu của Ngân Hàng, Khách Hàng sẽ cung cấp cho Ngân Hàng các hồ sơ và thông tin cần thiết để Ngân Hàng có thể xác lập tình trạng nhân thân về Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản nước ngoài của Khách Hàng (Sau đây gọi tắt là “FATCA”).
3. Nếu như tình trạng nhân thân FATCA của Khách Hàng phát sinh thay đổi, sẽ thông báo cho Ngân Hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thay đổi, và trước 90 ngày kể từ ngày thông báo hoặc ngày Ngân Hàng thanh toán tiền cho Khách Hàng (tùy ngày nào đến trước), cung cấp cho Ngân Hàng các hồ sơ và thông tin cần thiết để Ngân Hàng có thể xác lập tình trạng nhân thân về FATCA mới nhất của Khách Hàng (Ngày nói trên tính theo ngày theo dương lịch).
4. Nếu không phối hợp Ngân Hàng thẩm tra tình trạng nhân thân FATCA của Khách Hàng hoặc Khách Hàng thuộc tổ chức tài chính nước ngoài chưa ký kết hiệp định theo định nghĩa của FATCA, hoặc sau đó Khách Hàng mất tình trạng hợp quy FATCA mà trở thành tổ chức tài chính nước ngoài chưa ký kết hiệp định, chi nhánh chịu sự hạn chế hoặc Khách Hàng chưa thực hiện nội dung của khoản 4 nói trên, Ngân Hàng được phép chấm dứt hợp đồng giao dịch ký kết với Khách Hàng, và được phép theo quy định liên quan của FATCA để thực hiện nghĩa vụ khai báo và trừ tiền nộp thuế theo quy định; ngoài ra, sau đó nếu có các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh do Khách Hàng chưa cung cấp các hồ sơ và thông tin cần thiết cho Ngân Hàng theo nội dung khoản 4, toàn bộ trách nhiệm sẽ do Khách Hàng chịu, không liên quan đến Ngân Hàng, nếu gây thiệt hại cho Ngân Hàng, thì Khách Hàng đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường.
5. Nếu Ngân Hàng do nguyên nhân đề cập ở khoản trên hoặc Khách Hàng sử dụng không phù hợp các loại tài khoản tiền gửi ở tại Ngân Hàng, có tình trạng vi phạm thỏa thuận tại Quy định này hoặc vi phạm pháp luật, Ngân Hàng có thể chấm dứt mọi giao dịch qua lại của Khách Hàng mà không cần thông báo riêng cho Khách Hàng. Những điều khoản mang tính phạt vi phạm trong hợp đồng giao dịch trước kia và liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng trước hạn đều không áp dụng đối với Ngân Hàng..

第 20 條：客戶信息保密

1. 銀行有責任保密與客戶存款、貸款或轉帳相關的信息, 除非法律或有權機關另有規定。對於由存款人所提出的存款帳戶查詢, 僅接受存款人本人的申請或在以下情況下:
 - (1) 司法、稅務和警察等機構因辦案需要, 要求查詢與該案有關之存放款資料。
 - (2) 當公安機關依偵查犯罪的需要, 要求查詢或提供與案件相關的客戶存款和貸款信息。



2. 防止在開立和使用支付帳戶過程中冒充、干預、修改、篡改客戶身份信息的措施。
 - (1) 銀行直接與客戶會面, 根據銀行規定, 完整收集開立和使用帳戶所需的證件。
 - (2) 銀行員工需要了解客戶信息, 以深入了解客戶, 收集客戶信息, 檢查、核實並見證帳戶持有人或授權人簽署開戶協議, 以防止欺詐和冒充行為。
 - (3) 銀行員工會見證、核對並檢查客戶所提供的開立帳戶文件的合法性及準確性。
 - (4) 核查驗證客戶識別資訊的文件、資訊、資料的合法性、有效性, 比對支付帳戶持有人的生物特徵資訊。
 - (5) 銀行員工會檢查帳戶持有人或合法授權人的簽名樣本, 並通過電話向授權人確認交易信息。銀行員工電話詢問客戶個人資料, 例如: 個人訂名編號或護照號碼、出生日期或客戶的小學名稱, 以確認和核實身份。此外, 網路銀行會使用一次性密碼 (OTP) 和密碼進行雙重身份驗證, 為確保資訊安全性及保密。
 - (6) 識別疑似欺詐行為的支付帳戶的標準至少包括以下跡象: 懷疑開立支付帳戶檔案中的文件、資料、信息、數據的合法性和有效性, 支付帳戶的交易數量、金額和頻率與帳戶持有人的客戶識別信息不符, 支付帳戶持有人或組織合法代表開立帳戶人被列入主管機關警告名單。銀行員工檢查上述標準, 若有發現任何違反行為, 需要向法遵部門/AML 部門報告。銀行會根據客戶在開立和使用支付帳戶過程中的文件、信息和數據, 定期審查、修訂、補充和更新標準。
 - (7) 核實信息資料後, 會根據反洗錢法對客戶進行評估。
 - (8) 銀行必須在以下情況下重新識別客戶身份資訊, 並及時根據法律規定並採取適當防制洗錢措施:
 - A. 客戶具有可疑跡象。
 - B. 銀行懷疑過去所取得客戶身分資料之真實性或妥適性。
 - C. 組織支付帳戶的法定代表人的資訊被列入《防制洗錢法》規定的黑名單, 或越南國家銀行支持管理以及預防支付活動中的欺詐風險資訊系統中的詐騙名單, 或由公安部及其他相關機構提供的涉嫌欺詐、詐騙、違法行為之名單 (若有)。
 - D. 支付帳戶、支付帳戶持有人的資訊與有關部門的資訊和數據不符或出現錯誤。
 - (9) 拒絕交易或暫停提供服務 (包含提款、匯款及支付):

當進行交易時, 若如客戶名字為黑名單, 交易員可要求客戶提供身分證明文件。若比對結果與黑名單相符, 銀行可拒絕該筆交易。

當交易出現可疑情況時, 銀行可以暫停支付交易, 並要求客戶提供更多資料以驗證交易信息。若客戶能提供與交易相關的適當證件, 銀行可繼續處理該筆交易。若客戶無法提供證件或無法證明交易的合法性, 銀行會拒絕交易並向越南國家銀行報告。

當銀行收到有關客戶犯罪的國家機密時, 銀行可暫停交易, 等待有關國家機關的處理結果。
3. 處理客戶的個人資料或由客戶提供的個人資料, 並向第三方提供信息以便為客戶提供支付服務。處理可疑情況或違法犯罪行為。
 - (1) 當銀行為支付中介服務商, 向第三方提供客戶資料時, 銀行擁有關於保護客戶資料的技術標準。當雙方簽訂資料保護協定後, 銀行及第三方要求嚴格遵守客戶個人資料的保密及安全規範。
 - (2) 當發現可疑情況或違法犯罪行為時, 銀行可以暫停開立支付帳戶, 並要求客戶提供更多原始文件以進行驗證。若銀行仍懷疑涉及欺詐行為, 銀行可向有關國家機關報告以進一步調查, 並拒絕該筆交易。
4. 根據法律規定, 應有關機關的要求或經客戶同意提供資料。

Điều 20: Bảo mật và an toàn thông tin khách hàng

1. Ngân hàng có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến tiền gửi, cho vay hoặc chuyển tiền của khách hàng, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền có quy định khác. Đối với các truy vấn về tiền gửi do người gửi tiền thực hiện, chỉ có đơn đăng ký của chính người gửi tiền được chấp nhận hoặc trong các trường hợp sau:
 - (1) Các cơ quan như tư pháp, thuế và cảnh sát, do nhu cầu của vụ việc, đã chính thức yêu cầu truy



vấn thông tin lưu giữ liên quan đến vụ việc, phải thực hiện các yêu cầu đó.

- (2) Khi có yêu cầu của cơ quan công an giải quyết vụ việc, nhân danh cơ quan công an chính thức tra cứu hồ sơ hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về khoản tiền gửi, khoản vay của khách hàng có liên quan đến các bên liên quan thì yêu cầu đó phải được tuân thủ.
2. Các biện pháp ngăn chặn các hành vi mạo danh, can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán
 - (1) Ngân hàng gặp trực tiếp khách hàng, thu thập đầy đủ chứng từ theo quy định mở và sử dụng tài khoản của Ngân hàng.
 - (2) Nhân viên ngân hàng sẽ tìm hiểu thông tin khách hàng để hiểu rõ khách hàng, thu thập thông tin khách hàng, kiểm tra, xác minh và chứng kiến chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền ký thỏa thuận mở tài khoản để tránh gian lận và mạo danh.
 - (3) Nhân viên ngân hàng sẽ chứng kiến và đối chiếu, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của tài liệu, thông tin dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán mà khách hàng cung cấp.
 - (4) Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các tài liệu, thông tin, dữ liệu xác minh thông tin nhận biết khách hàng và phải thực hiện đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản thanh toán.
 - (5) Nhân viên ngân hàng sẽ kiểm tra mẫu dấu chữ ký của chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký chứng từ giao dịch cẩn thận và gọi điện xác nhận với người được ủy quyền xác nhận thông tin giao dịch. Nhân viên ngân hàng sẽ hỏi khách hàng những thông tin bảo mật cá nhân như số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, ngày tháng năm sinh hoặc trường tiểu học của khách hàng để bảo đảm xác nhận đúng người. Ngoài ra, Ngân hàng thực hiện xác thực hai yếu tố là smart OTP và mật khẩu để thực hiện giao dịch điện tử để bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin.
 - (6) Bộ tiêu chí nhận diện các tài khoản thanh toán có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật tối thiểu bao gồm các dấu hiệu về: nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, số lượng, giá trị, tần suất giao dịch qua tài khoản thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết khách hàng của chủ tài khoản, chủ tài khoản thanh toán hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thuộc danh sách cảnh báo của cơ quan chức năng. Nhân viên Ngân hàng kiểm tra các tiêu chí này để báo cáo cho Phòng tuân thủ/phòng chống rửa tiền nếu có xảy ra trường hợp vi phạm. Ngân hàng thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật Bộ tiêu chí dựa trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng.
 - (7) Sau khi xác minh thông tin dữ liệu sẽ đánh giá khách hàng theo luật phòng chống rửa tiền.
 - (8) Ngân hàng phải xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng và kịp thời áp dụng biện pháp theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong các trường hợp dưới đây:
 - A. Khách hàng có các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.
 - B. Ngân hàng có cơ sở nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ mở, tài khoản thanh toán của khách hàng đã thu thập trước đây.
 - C. Thông tin của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán có trong Danh sách đen theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, danh sách nghi ngờ gian lận, lừa đảo của Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước hoặc danh sách khách hàng liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có).
 - D. Thông tin về tài khoản thanh toán, chủ tài khoản thanh toán sai lệch, không phù hợp với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền.
 - (9) Từ chối thực hiện giao dịch hoặc tạm dừng các giao dịch thanh toán, rút tiền trên tài khoản thanh toán
Khi thực hiện giao dịch, quét tên khách hàng trùng với danh sách đen và giao dịch viên có thể yêu cầu khách hàng cung cấp thêm giấy tờ tùy thân để xác minh thông tin, nếu khách hàng thực sự trùng với danh sách đen thì ngân hàng có thể từ chối giao dịch.
Khi giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ, ngân hàng có thể tạm dừng giao dịch thanh toán và yêu cầu cung cấp thêm tài liệu để xác minh thông tin giao dịch, nếu khách hàng cung cấp được tài liệu và chứng từ phù hợp với giao dịch thì ngân hàng có thể tiếp tục xử lý giao dịch. Nếu khách hàng không



thể cung cấp tài liệu hoặc không chứng minh giao dịch hợp pháp, ngân hàng sẽ từ chối giao dịch và báo cáo giao dịch đáng ngờ cho NHNN.

Khi ngân hàng nhận được thư mật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tội phạm liên quan đến khách hàng, ngân hàng có thể tạm dừng giao dịch và chờ kết luận của cơ quan nhà nước.

3. Xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, cung cấp thông tin cho bên thứ ba để phục vụ dịch vụ thanh toán cho khách hàng. Xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật.
 - (1) Khi ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng cho bên thứ ba với tư cách là nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian, ngân hàng có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ thông tin khách hàng. Việc bảo mật, an toàn dữ liệu khách hàng được ngân hàng và bên thứ ba bảo vệ nghiêm ngặt khi hai bên đã ký kết thỏa thuận về bảo vệ thông tin.
 - (2) Khi phát hiện trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo hoặc vi phạm quy định pháp luật, ngân hàng có thể tạm dừng mở tài khoản thanh toán và yêu cầu khách hàng cung cấp thêm hồ sơ gốc để xác minh, đối chiếu, nếu ngân hàng vẫn nghi ngờ có gian lận, giả mạo, ngân hàng có thể báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều tra thêm và từ chối giao dịch.
4. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

第 21 條：調查、投訴和爭議解決

1. 在使用帳戶的過程中，申請人可以通過電話方式（有錄音）或在銀行櫃台提交投訴申請。申請人需填寫銀行提供的投訴表格。申請人在交易發生之日起 60 天內可以要求銀行進行調查和投訴。
2. 調查和投訴的處理期限：
 - (1) 銀行有責任在收到客戶首次調查或投訴申請之日起 30 個工作日內處理客戶的調查或投訴申請。
 - (2) 在向客戶通知調查或投訴結果之日起 5 個工作日內，銀行應根據現行法律規定及協議，對因非客戶過錯和/或不屬於帳戶開立和使用條款中所述的不可抗力情況而產生的損失進行賠償。
 - (3) 如調查或投訴的處理期限已過，但尚未確定當事人的原因或過錯，本行將在其後的 15 個工作天內與客戶協商處理調查或投訴的方案。
3. 若案件有犯罪跡象，銀行會根據刑事訴訟法向主管機關報告，並向國家銀行報告，同時以書面形式通知客戶有關調查、投訴申請的處理情況。調查、投訴結果的處理由國家主管機關負責。若國家主管機關通知的處理結果為無犯罪因素，銀行應在收到國家主管機關結論之日起 15 個工作日內，與客戶商議處理調查、投訴結果的方案。
4. 若銀行與相關方無法達成協議和/或不同意調查、投訴的處理過程，則爭議解決會按照法律規定進行。

Điều 21: Tra soát, khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Ngân Hàng tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Khách Hàng trong quá trình sử dụng tài khoản qua tổng đài điện thoại (có ghi âm) hoặc tại quầy giao dịch. Khách Hàng điền vào mẫu tra soát khiếu nại do Ngân Hàng cấp. Khách Hàng được quyền đề nghị Ngân Hàng thực hiện tra soát, khiếu nại trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.
2. Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại:
 - (1) Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Khách Hàng, Ngân Hàng có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của Khách Hàng.
 - (2) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Khách Hàng, Ngân Hàng thực hiện bồi hoàn tổn thất cho Khách Hàng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Khách Hàng và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận về điều khoản và điều kiện mở và sử dụng tài khoản.
 - (3) Trong trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại, mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, Ngân Hàng thỏa thuận với Khách Hàng về phương án xử lý tra soát, khiếu nại.



3. Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Ngân Hàng thực hiện thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo cho các cơ quan liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân Hàng thỏa thuận với Khách Hàng về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
4. Trường hợp Ngân Hàng và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

第 22 條: 申請人的權利與義務

1. 申請人的權利

- (1) 使用申請人支付帳戶上的資金進行合法且有效的支付指示。
- (2) 選擇並同意銀行支付工具、服務和支付設施的使用。
- (3) 支付帳戶使用授權。授權必須符合授權法律規定並以書面形式進行。
- (4) 要求銀行執行合法有效的支付指示，並以與銀行約定的方式提供申請人支付帳戶的餘額和交易資訊。
- (5) 要求銀行依法進行帳戶凍結、解除凍結，關閉已開立的支付帳戶，並向銀行發出關於聯名支付帳戶持有人之間發生的共用支付帳戶糾紛的通知。
- (6) 要求銀行依照銀行約定指導如何安全管理和使用支付帳戶，並解答和處理支付帳戶開立和使用過程中的問題和投訴。
- (7) 法律規定或支付帳戶持有人與本行事先書面約定且不違反法律規定的其他權利。

2. 申請人的義務

- (1) 確保支付帳戶裡的資金足夠執行已發出的支付指示。如果與銀行有透支協議，超出帳戶貸方餘額的，必須履行相關義務。
- (2) 遵守支付帳戶開立和使用的規定，依法規定並符合與銀行的約定。
- (3) 當發現支付帳戶存在錯誤或懷疑帳戶被濫用時，請立即通知銀行。
- (4) 錯誤入帳的資金應退款或與銀行協調退款。
- (5) 依照約定向銀行提供完整、準確、及時更新的支付帳戶記錄資訊、補充資訊，並承擔因提供或更新不完整、不準確或及時而產生的風險。
- (6) 依銀行規定維持支付帳戶的最低餘額。
- (7) 不得進行有關開立和使用支付帳戶的禁止行為。

Điều 22: Quyền và nghĩa vụ của Khách Hàng (“Chủ tài khoản thanh toán”)

1. Chủ tài khoản thanh toán có quyền:

- (1) Sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ.
- (2) Lựa chọn và thỏa thuận việc sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán tại Ngân Hàng.
- (3) Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, phù hợp với quy định pháp luật về ủy quyền.
- (4) Yêu cầu Ngân Hàng thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán của mình theo thỏa thuận với Ngân Hàng.
- (5) Yêu cầu Ngân Hàng hướng dẫn quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo thỏa thuận với Ngân Hàng.
- (6) Yêu cầu Ngân Hàng hướng dẫn quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo thỏa thuận với Ngân Hàng.



(7) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Chủ tài khoản với Ngân Hàng không trái với quy định của pháp luật.

2. Chủ tài khoản thanh toán có nghĩa vụ:

- (1) Đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản thanh toán để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với Ngân Hàng thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản.
- (2) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định pháp luật và thỏa thuận với Ngân Hàng.
- (3) Kịp thời thông báo cho Ngân Hàng khi phát hiện thấy những sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản thanh toán của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng.
- (4) Hoàn trả hoặc phối hợp với Ngân Hàng hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình.
- (5) Cung cấp đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời cho Ngân Hàng những thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của Ngân Hàng, theo thỏa thuận, chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra.
- (6) Duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của Ngân Hàng.
- (7) Không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

第 23 條：銀行的權利與義務

1. 銀行的權利：

- (1) 在下列情況主動從申請人的支付帳戶中扣款：
 - A. 應主管機關的書面要求，依法執行行政違法處罰決定、判決執行決定、稅務稽徵決定或其他支付義務，並通知支付帳戶持有人。
 - B. 依法律規定對核算錯誤、性質不正確或與支付帳戶使用內容不符的項目進行調整，並通知支付帳戶持有者。
 - C. 當發現申請人的帳戶被錯誤存入或因匯款方的服務銀行發現與付款訂單相比有錯誤而要求匯款人的銀行取消貸方轉帳訂單時，必須通知付款帳戶持有者。
 - D. 根據支付帳戶持有人與銀行事先達成的書面協議，支付定期、固定款項或收取到期、逾期債務、利息和其他費用，從支付帳戶扣劃必須通知支付帳戶持有者。
- (2) 有下列情況的，拒絕執行支付帳戶持有人的支付指示：
 - A. 付款指示不合法或無效。
 - B. 支付帳戶所有人未完全遵守支付流程要求或支付指示上的要素與支付帳戶開戶文件或支付指示不符合開立和使用支付帳戶的協議。
 - C. 支付帳戶餘額不足以執行支付指示或超過透支限額。
 - D. 支付帳戶被關閉或完全凍結。
 - E. 根據法律規定，收到主管機關的書面要求。
 - F. 支付帳戶持有人違反非現金支付規定禁止行為的。
 - G. 支付帳戶持有人拒絕依照銀行要求提供顧客識別資訊或提供不完整的顧客識別資訊，或對特殊交易的資訊真實性和交易目的有疑問時，必須按照反洗錢法的規定進行監督。
 - H. 支付帳戶開立和使用協議中與顧客事先約定的其他情況包括：根據本行的標準，支付帳戶存在欺詐或欺詐跡象，以違法為目的的情況。
- (3) 拒絕執行支付帳戶持有人的帳戶關閉或凍結要求，當支付帳戶所有者未依照主管機關的強制執行決定履行支付義務或尚未履行支付義務時。
- (4) 設定支付帳戶最低餘額、使用範圍、使用方式、交易限額等規定並公開通知及具體說明供申請人知悉。
- (5) 設定開立和使用支付帳戶的安全保障措施，確保符合法律規定。
- (6) 根據法律規定或支付帳戶持有人與本行之間不違反現行法律規定的書面協議執行其他權利。



2. 銀行的義務

- (1) 在檢查並確認支付指示的合法性和有效性後，執行支付帳戶持有人的支付指示。
- (2) 保管並全面更新顧客已登記的印鑑樣本（如有），以便在付款帳戶使用過程中進行核對和比對。
- (3) 及時將收到的付款記入顧客的支付帳戶，將現金存入帳戶，辦理退款如果錯誤地記入顧客的付款帳戶，協調退回已確定誤轉至顧客支付帳戶的資金，應合作銀行提出的要求。
- (4) 透過電子郵件、書面公文或依照協議中規定的形式向支付帳戶持有人提供有關支付帳戶餘額、交易、交易憑證以及支付帳戶凍結的完整、及時的資訊，並對所提供資訊的準確性負責。
- (5) 定期或在顧客通知付款帳戶開戶文件資訊發生變更時更新顧客訊息，並根據本行發布的標準確定顧客是否屬於高風險等級時，及時更新並驗證顧客身分資訊。依照法律規定保存、儲存透過帳戶支付帳戶記錄和交易憑證。
- (6) 依據法律規定保護申請人的個人訊息或各科提供的個人資料、與支付帳戶和申請人支付帳戶交易相關的資訊。
- (7) 對下列情況造成的損失負責：
 - A. 因銀行的錯誤或失誤造成的損失，包括未遵守有關服務提供的安全和保障的法律規定。
 - B. 因銀行未依照主管機關的要求處理詐欺、欺騙和違法案件而造成的損失。
 - C. 銀行收到主管機關關於顧客支付帳戶有詐欺、欺騙或詐欺行為的書面通知後，未依開立和使用支付帳戶風險管理的內部規定採取處理措施而造成的損失。
- (8) 遵守反洗錢和反資恐法律規定，不從事非現金支付規定開立和使用支付帳戶的禁止行為。
- (9) 指導顧客安全使用支付帳戶，向顧客告知和解釋支付帳戶開立和使用的禁止行為，及時解答和處理顧客開立和使用支付帳戶的問題和投訴，依支付帳戶開立、使用規定以及支付帳戶持有人與本行的協議執行。
- (10) 制定銀行開立和使用支付帳戶的內部規定，提供指導並公告，供顧客了解和遵守。

Điều 23: Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng

1. Ngân Hàng có quyền:

- (1) Chủ động trích Nợ tài khoản thanh toán của Khách Hàng trong các trường hợp sau:
 - A. Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật và thông báo cho Khách Hàng biết.
 - B. Đề điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật và thông báo cho Khách Hàng biết.
 - C. Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản của Khách Hàng hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyên tiền do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập, việc trích Nợ tài khoản thanh toán phải thông báo cho Khách Hàng biết.
 - D. Theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Khách Hàng với Ngân Hàng để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ hoặc thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh, việc trích Nợ tài khoản thanh toán phải thông báo cho Khách Hàng biết.
- (2) Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Khách Hàng trong các trường hợp sau:
 - A. Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ.
 - B. Khách Hàng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán hoặc yếu tố trên lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán hoặc lệnh thanh toán không phù hợp với các thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán.
 - C. Tài khoản thanh toán không đủ số dư để thực hiện lệnh thanh toán hoặc vượt hạn mức thấu chi.
 - D. Tài khoản thanh toán bị đóng hoặc phong tỏa toàn bộ.
 - E. Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
 - F. Khách Hàng vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.



G. Khách Hàng từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về nhận biết khách hàng theo yêu cầu của Ngân Hàng hoặc khi có nghi ngờ về tính trung thực của thông tin và mục đích giao dịch đối với các giao dịch đặc biệt phải giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền.

H. Các trường hợp khác theo thỏa thuận trước với Khách Hàng tại thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán bao gồm: trường hợp tài khoản thanh toán có dấu hiệu liên quan đến lừa đảo gian lận, phục vụ cho mục đích bất hợp pháp theo các tiêu chí của Ngân Hàng.

- (3) Từ chối thực hiện yêu cầu đóng, phong tỏa tài khoản thanh toán của Khách Hàng trong trường hợp Khách Hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho Ngân Hàng.
- (4) Quy định về số dư tối thiểu, phạm vi sử dụng, cách thức sử dụng, hạn mức giao dịch trên tài khoản thanh toán và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để Khách Hàng biết.
- (5) Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.
- (6) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Khách Hàng và Ngân Hàng không trái với quy định pháp luật hiện hành.

2. Ngân Hàng có nghĩa vụ:

- (1) Thực hiện lệnh thanh toán của Khách Hàng sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.
- (2) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của Khách Hàng đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán.
- (3) Kịp thời ghi Có vào tài khoản thanh toán của khách hàng các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản, hoàn trả các khoản tiền do sai sót đã ghi Nợ đối với tài khoản thanh toán của Khách Hàng, phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào tài khoản thanh toán của Khách Hàng theo đề nghị của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền do sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập.
- (4) Thông tin đầy đủ, kịp thời cho Khách Hàng thông tin về số dư, các giao dịch, chứng từ của các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán và việc phong tỏa tài khoản thanh toán bằng email, văn bản hoặc theo các hình thức đã quy định tại thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.
- (5) Cập nhật thông tin Khách Hàng định kỳ hoặc khi Khách Hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định Khách Hàng có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do Ngân Hàng ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ tài khoản thanh toán và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật.
- (6) Bảo mật các thông tin, dữ liệu cá nhân của Khách Hàng hoặc dữ liệu cá nhân do Khách Hàng cung cấp, các thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán và các giao dịch trên tài khoản thanh toán của Khách Hàng theo quy định của pháp luật.
- (7) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh trong trường hợp:
 - A. Thiệt hại do sai sót hoặc do lỗi của Ngân Hàng bao gồm việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật về an toàn, bảo mật trong cung cấp dịch vụ.
 - B. Thiệt hại do Ngân Hàng không thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về xử lý các trường hợp liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật.
 - C. Thiệt hại do Ngân Hàng không áp dụng biện pháp xử lý theo quy định nội bộ về quản lý rủi ro trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc Khách Hàng, tài khoản thanh toán của Khách Hàng liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật.
- (8) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.
- (9) Hướng dẫn Khách Hàng sử dụng tài khoản thanh toán an toàn, thông báo, giải thích cho Khách Hàng về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của Khách Hàng trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định về mở và



sử dụng tài khoản thanh toán và thỏa thuận giữa Khách Hàng với Ngân Hàng.

(10) Ban hành quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân Hàng, hướng dẫn, thông báo công khai để Khách Hàng biết và thực hiện.

第 24 條: (帳戶往來關係適用準據法)

申請人凡在銀行開立之帳戶，不論種類或幣別，所有交易與服務均應遵照越南國家有關的法律、法規、金融規章及本須知規定辦理。

Điều 24: Luật áp dụng cho các quan hệ giao dịch tài khoản.

Tài khoản mà Khách Hàng mở tại Ngân Hàng, bất kể loại tài khoản hay loại tiền tệ, tất cả các giao dịch và dịch vụ giữa Khách Hàng và Ngân Hàng đều phải tuân theo các quy định pháp luật liên quan. Khách Hàng đồng ý rằng tòa án có thẩm quyền tài phán để giải quyết tranh chấp liên quan đến mở và sử dụng tài khoản là Tòa án nơi đặt trụ sở Ngân Hàng.

第 25 條: 申請人已經閱讀銀行"企業戶管理存款須知"，並同意遵守相關責任條款。

Điều 25: Khách Hàng đã đọc và hiểu rõ "Quy định về mở và sử dụng tài khoản doanh nghiệp", và đồng ý tuân thủ toàn bộ các điều khoản trong Quy định này.